

# HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

*TRẦN LINH HUÂN\**

*Ngày nhận bài: 02/06/2020*

*Ngày phản biện: 24/07/2020*

*Ngày đăng bài: 30/09/2020*

## **Tóm tắt:**

Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong những yêu cầu quan trọng của hoạt động đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hiện nay vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, điều này xuất từ nhiều lý do khác nhau. Bài viết tập trung phân tích, đánh giá, chỉ ra những điểm hạn chế bất cập trong quy định pháp luật về hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, từ đó đề ra một số kiến nghị để góp phần hoàn thiện đối với hoạt động này.

## **Từ khóa:**

Thẩm định, báo cáo, đánh giá tác động môi trường, dự án đầu tư.

## **Abstract:**

The evaluation of environmental impact assessment report is one of the key requirements of environmental impact assessment. However, in addition to the achieved results, the current appraisal of environmental impact assessment reports still has certain limitations, which comes from many different reasons. The article focuses on analyzing, evaluating, pointing out shortcomings in the legal regulations on environmental impact assessment report appraisal, from which proposing a number of recommendations to contribute to improvement for this activity.

## **Keywords:**

Evaluation, reporting, environmental impact assessment, investment projects.

## **1. Đặt vấn đề**

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) là một trong số công cụ có vai trò quan trọng trong việc đạt được sự bền vững hay tầm nhìn phát triển bền vững<sup>1</sup>. Hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM là rất cần thiết và có thể được xem là giai đoạn tiền đề nhằm giúp các dự án

---

\* ThS., GV Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật Thành phố HCM; Email: tlhuan@hcmulaw.edu.vn

<sup>1</sup> Lương Thị Thoa (2020), *Đánh giá tác động môi trường theo pháp luật Việt Nam và một số kiến nghị nâng cao hiệu quả thực thi*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 42/2020, tr.103.

đầu tư đi vào hoạt động hiệu quả và đảm bảo được các yêu cầu bảo vệ môi trường (BVMT) theo quy định pháp luật. Thông qua hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM, các cơ quan lý nhà nước về môi trường với tư cách là cơ quan phản biện báo cáo ĐTM, sẽ thay mặt nhà nước xem xét và cân đối một cách toàn diện mối liên hệ giữa lợi ích kinh tế mà các dự án đem lại với lợi ích môi trường cần phải được bảo vệ; giữa lợi ích của một số ngành lĩnh vực với lợi ích tổng thể của toàn xã hội, giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài căn bản của đất nước thông qua việc đánh giá các điều kiện thực thi khả năng BVMT của các chủ đầu tư dự án. Trên cơ sở đó, đưa ra nhận xét về sự phù hợp với các yêu cầu pháp lý cũng như đánh giá tính chính xác, khách quan, khoa học của các giải pháp được đề xuất trong báo cáo ĐTM để từ đó quyết định báo cáo ĐTM có đáp ứng được yêu cầu hay không. Vì vậy, thẩm định báo cáo ĐTM là một công việc rất quan trọng, kết quả thẩm định là cơ sở để chủ thể có thẩm quyền ra quyết định có phê duyệt báo cáo ĐTM hay không, bởi chỉ khi nào báo cáo ĐTM được thẩm định đạt yêu cầu thì báo cáo đó mới được phê duyệt. Có thể nói, thẩm định báo cáo ĐTM là hoạt động vừa mang tính quản lý nhà nước vừa mang yếu tố khoa học nên nó có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công tác BVMT trước sự tác động tiêu cực của các dự án đầu tư.<sup>2</sup> Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực đạt được thì hiện nay các quy định pháp luật điều chỉnh về hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM vẫn còn tồn một số vấn đề bất cập cần phải khắc phục, điều này được thể hiện thông qua một số khía cạnh sau:

## **2. Về thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Các quy định về thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM chưa thật sự đảm bảo tính độc lập. Theo quy định tại Điều 23 Luật BVMT 2014, chủ thể nào có thẩm quyền quyết định, phê duyệt dự án đầu tư thì chủ thể đó sẽ có thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM của dự án đầu tư đó, trừ các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật BVMT 2014. Hiện nay, thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM được giao về cho nhiều chủ thể khác nhau như: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ cơ quan ngang bộ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Như vậy, với việc quy định cho phép chủ thể nào có thẩm quyền quyết định, phê duyệt dự án đầu tư thì chủ thể đó sẽ có thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM là chưa hợp lý, chưa tạo được sự độc lập, minh bạch trong công tác tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM. Bởi trên thực tế, nếu để các chủ thể có thẩm quyền quyết định, phê duyệt chủ trương đầu tư tự tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM của chính dự án do mình quyết định, phê duyệt đầu tư sẽ dẫn đến tình trạng các chủ thể này rất khó để phản bác các báo cáo ĐTM của dự án đầu tư do chính mình đưa vào quy hoạch phát triển vì phải chịu nhiều áp lực về vấn đề phát triển kinh tế, thu hút đầu

---

<sup>2</sup> Vũ Thị Duyên Thủy (2003), *Bàn về hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM*, Tạp chí Luật học, số 02, tr.32.

tr<sup>3</sup>. Điều này là rất nguy hiểm bởi nếu hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM không đảm bảo được tính độc lập, khách quan, trung thực thì sẽ dẫn đến kết quả thẩm định không đạt được hiệu quả như mong muốn, từ đó kéo theo những hệ lụy rất lớn về môi trường khi dự án được triển khai thực hiện trên thực tế.

Để khắc phục vấn đề trên đồng thời nhằm đảm bảo tính độc lập trong hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM, Luật BVMT nên quy định theo hướng đưa thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM về một đầu mối. Theo đó, việc tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Luật BVMT 2014 nên giao về cho Hội đồng thẩm định chuyên môn do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thành lập trên cơ sở tham mưu từ các Bộ, ngành có liên quan đến dự án. Thành phần của Hội đồng thẩm định này sẽ bao gồm các thành viên đại diện từ nhiều Bộ ngành khác nhau, trong đó có đại diện của Bộ ngành có thẩm quyền quyết định, phê duyệt dự án đầu tư. Các thành viên được lựa chọn tham gia Hội đồng thẩm định phải đáp ứng các tiêu chuẩn về mặt đạo đức, có kiến thức chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động thẩm định. Các thành viên Hội đồng thẩm định làm việc dựa trên nguyên tắc công tâm, khách quan và chỉ chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định trước pháp luật và Thủ tướng Chính phủ. Như vậy, với việc Hội đồng thẩm định được thành lập trên cơ sở quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thành viên của Hội đồng được tuyển chọn từ nhiều chuyên gia thuộc các Bộ ngành khác nhau sẽ đảm bảo tính độc lập của Hội đồng do không phải chịu sự chi phối từ các cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Từ đó, các thành viên Hội đồng thẩm định có thể an tâm làm việc một cách độc lập, công bằng mà không phải chịu sự chi phối từ các chủ thể có liên quan đến dự án.

### **3. Về Hội đồng thẩm định và thành viên hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Hiện nay, trách nhiệm và hậu quả pháp lý được áp dụng đối với Hội đồng thẩm định và các thành viên Hội đồng thẩm định khi có hành vi vi phạm trong quá trình thẩm định báo cáo ĐTM chưa được quy định rõ ràng. Theo quy định pháp luật, việc thẩm định báo cáo ĐTM được thực hiện thông qua hai hình thức gồm (i) Thông qua hội đồng thẩm định; (ii) Thông qua việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan<sup>4</sup>. Trong đó, trừ các dự án được phép thẩm định thông qua việc lấy ý kiến của các cơ quan tổ chức có liên quan thì các dự án còn lại đều bắt buộc phải thẩm định thông qua Hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định sẽ có trách nhiệm xem xét nội dung báo cáo ĐTM và đưa ra ý kiến thẩm

---

<sup>3</sup> Trần Linh Huân (2019), *Đánh giá tác động môi trường đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam - Một số vấn đề pháp lý đặt ra*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 40/2019, tr.45.

<sup>4</sup> Khoản 1 Điều 24 Luật BVMT 2014.

định để làm cơ sở cho việc phê duyệt báo cáo ĐTM. Một báo cáo ĐTM có chất lượng hay không, các phương án BVMT của các chủ dự án đầu tư có được đảm bảo, khả thi hay không thì điều này phụ thuộc rất lớn vào kết quả thẩm định do các thành viên Hội đồng thẩm định đưa ra. Như vậy, có thể thấy rằng Hội đồng thẩm định và các thành viên của Hội đồng thẩm định đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo tính hiệu quả của một báo cáo ĐTM, tuy nhiên hiện nay các quy định về trách nhiệm và hậu quả pháp lý mà các chủ thể này phải gánh chịu khi có hành vi vi phạm xảy ra trong quá trình thực hiện thẩm định báo cáo ĐTM vẫn chưa thật sự cụ thể. Tại khoản 2 Điều 24 Luật BVMT 2014 quy định: *“Thành viên hội đồng thẩm định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình”*, tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT quy định: *“Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM có trách nhiệm tư vấn cho thủ trưởng cơ quan thẩm định; chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về kết quả thẩm định”* và khoản 8 Điều 6 Thông tư này cũng quy định: *“Các Ủy viên hội đồng thẩm định và cơ quan, tổ chức, chuyên gia được xin ý kiến chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm định và trước pháp luật về những nhận xét, đánh giá đưa ra đối với báo cáo ĐTM và những nội dung công việc được chủ tịch hội đồng phân công trong quá trình thẩm định”*. Như vậy, từ các quy định trên, có thể thấy rằng các quy định về trách nhiệm và hậu quả pháp lý được áp dụng đối với Hội đồng thẩm định và các thành viên Hội đồng thẩm định khi có hành vi vi phạm còn rất mơ hồ. Bởi “chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan thẩm định” là chịu những loại trách nhiệm nào, hậu quả của từng trách nhiệm ra sao, hình thức và mức độ xử lý nào được áp dụng, căn cứ vào đâu để áp dụng, tất cả những vấn đề này hiện nay đang được bỏ ngỏ và chưa được điều chỉnh một cách cụ thể. Đây được xem là một lỗ hổng pháp lý có thể tạo điều kiện, cơ hội cho các thành viên Hội đồng thẩm định có thể cố tình lách luật hoặc thậm chí vi phạm để nhằm thu lợi bất chính từ hoạt động thẩm định, hoặc có trường hợp vì trách nhiệm pháp lý phải gánh chịu chưa được quy định rõ ràng nên nảy sinh tâm lý cầu thả. Hơn nữa, khi không có các quy định cụ thể ràng buộc trách nhiệm và những hậu quả pháp lý mà các chủ thể tham gia vào Hội đồng thẩm định phải gánh chịu thì khi các chủ thể này có hành vi vi phạm trong hoạt động thẩm định sẽ rất khó để xác định và xử lý. Chính vì vậy, đây là một vấn đề cần phải tiếp tục xem xét, nghiên cứu và hoàn thiện.

Để khắc phục vấn đề bất cập nêu trên, đòi hỏi cần phải quy định rõ ràng về trách nhiệm và hậu quả pháp lý đối với Hội đồng thẩm định và các thành viên tham gia Hội đồng thẩm định để tạo cơ chế ràng buộc nhằm đảm bảo Hội đồng thẩm định và các thành viên Hội đồng thẩm định hoạt động hiệu quả, trách nhiệm. Theo đó, khi trách nhiệm của Hội đồng thẩm định và từng thành viên trong Hội đồng được quy định cụ thể sẽ giúp các chủ thể tham gia Hội đồng thẩm định tự ý thức tốt hơn về tinh thần trách nhiệm và thái độ

làm việc, đồng thời điều này còn tạo được cơ sở pháp lý rõ ràng để giúp dễ dàng xác định và truy cứu được trách nhiệm của các thành viên có hành vi vi phạm. Đồng thời, bên cạnh đó cũng cần phải xây dựng được các chế tài pháp lý cụ thể được áp dụng đối với các thành viên có hành vi vi phạm trong quá trình thẩm định báo cáo ĐTM. Điều này sẽ đảm bảo rằng khi các chủ thể thực hiện hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM có hành vi vi phạm thì tùy vào tính chất, mức độ vi phạm mà có thể sẽ bị áp dụng các chế tài tương ứng để xử lý. Như vậy, với việc quy định rõ trách nhiệm pháp lý của Hội đồng và từng thành viên tham gia Hội đồng thẩm định cũng như các chế tài cụ thể được áp dụng đối với các hành vi vi phạm sẽ giúp các chủ thể tham gia Hội đồng thẩm định ý thức và tự giác thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình, tránh được tình trạng đùn đẩy, thoái thác trách nhiệm lẫn nhau, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác thẩm định báo cáo ĐTM.

#### **4. Về nội dung thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Nội dung cần thẩm định trong báo cáo ĐTM còn quá nhiều, gây ôm đồm, khó khăn cho công tác thẩm định. Hiện nay, các nội dung cần phải được thẩm định trong báo cáo ĐTM được quy định tại mục 7 khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. Theo đó, nội dung phải thẩm định bao gồm: (i) Sự phù hợp của dự án đối với chiến lược, quy hoạch (nếu có), quy định pháp luật về BVMT, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; (ii) Sự phù hợp của các phương pháp ĐTM được sử dụng; (iii) Sự phù hợp của các đánh giá về việc lựa chọn công nghệ sản xuất, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường; (iv) Kết quả phân tích, tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường, kinh tế - xã hội nơi thực hiện dự án và sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án; (v) Việc đánh giá và dự báo về nguồn thải, sự phát sinh, quy mô, tính chất nguy hại của nước thải, khí thải, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và các loại chất thải đặc thù khác; các tác động của chất thải và các tác động khác của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; đánh giá, dự báo các rủi ro sự cố môi trường do chất thải gây ra; (vi) Các yêu cầu, quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường áp dụng đối với dự án; (vii) Sự phù hợp của các giải pháp BVMT, bao gồm: phương án thu gom, quản lý chất thải; biện pháp, công nghệ xử lý nước thải; biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải; phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại; phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; phương án quản lý, biện pháp, công nghệ xử lý chất thải khác; phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đến môi trường; các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải của dự án gây ra; (viii) Sự phù hợp của chương trình quản lý và giám sát môi trường; (ix) Các cam kết BVMT của chủ dự án. Như vậy, có thể thấy rằng, hiện nay nội dung mà Hội đồng thẩm định cần phải tiến hành thẩm định là rất lớn, điều này sẽ đặt ra rất nhiều thách thức

cho Hội đồng thẩm định bởi để đảm bảo cho ra một kết quả thẩm định đạt yêu cầu, chất lượng thì đòi hỏi Hội đồng thẩm định phải xem xét, phân tích, đánh giá được hết tất cả các yêu cầu đặt ra, đó là chưa kể thời hạn để thực hiện hoạt động thẩm định hiện nay được quy định tương đối ngắn. Trong khi đó, các nội dung cần phải thẩm định là những vấn đề khá trừu tượng bởi đa phần các nội dung này được chủ dự án tự lường trước thông qua các ý tưởng chứ chưa có các cơ sở, căn cứ cụ thể trên thực tế, đó là chưa kể có những nội dung muốn thẩm định được thì đòi hỏi dự án phải được triển khai trên thực tế thì mới có thể xem xét, đánh giá và đưa ra kết quả thẩm định đạt yêu cầu, còn nếu không thì sẽ rất mơ hồ. Chính vì vậy, với việc quy định một khối lượng lớn các nội dung cần phải được thẩm định như hiện nay sẽ là một trong những yếu tố có thể làm suy giảm chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định báo cáo ĐTM.

Để khắc phục vấn đề nêu trên, giải pháp đặt ra là cần phải quy định tinh gọn lại các nội dung cần phải thẩm định trong một báo cáo ĐTM theo hướng trọng tâm nhưng vẫn đáp ứng được các yêu cầu BVMT để đảm bảo công tác thẩm định đạt được hiệu quả tối ưu. Theo đó, đối với các dự án có quy mô lớn, nhạy cảm về môi trường thì hoạt động thực hiện ĐTM nên được chia thành hai bước gồm ĐTM sơ bộ để sàng lọc dự án trên cơ sở vị trí, công suất, công nghệ đề xuất và ĐTM chi tiết khi có thiết kế của dự án. Khi chia hoạt động ĐTM thành hai giai đoạn như vậy thì tương ứng với mỗi giai đoạn sẽ có các loại báo cáo khác nhau, đối với giai đoạn ĐTM sơ bộ thì chủ đầu tư sẽ lập báo cáo ĐTM sơ bộ, báo cáo này chủ yếu mang tính chất dự báo sơ lược, đơn giản; còn đối với giai đoạn hoạt động ĐTM chi tiết thì chủ đầu tư sẽ lập báo cáo ĐTM chi tiết, báo cáo này dự báo các vấn đề chi tiết, cụ thể hơn. Như vậy, với việc quy định phân chia hoạt động ĐTM của các dự án đầu tư phức tạp thành hai giai đoạn tương ứng với hai loại báo cáo khác nhau như vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi để công tác thẩm định báo cáo ĐTM đạt được hiệu quả tốt hơn. Bởi khi thẩm định từng loại báo cáo theo từng giai đoạn thì việc thẩm định báo cáo ĐTM sẽ đơn giản hơn nhiều so với việc phải thẩm định cả một báo cáo ĐTM hoàn chỉnh với rất nhiều các yêu cầu đặt ra như hiện nay.

## **5. Về thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Quy định về thời hạn thẩm định báo cáo ĐTM chưa đáp ứng được quỹ thời gian để phục vụ hiệu quả cho hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM. Hiện nay, thời hạn thẩm định báo cáo ĐTM được xác định như sau: (i) Thời hạn tổ chức thẩm định thông qua hội đồng thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; riêng đối với các dự án thuộc danh mục các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, thời hạn thẩm định không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; (ii) Thời hạn tổ chức thẩm định thông qua hội đồng

thẩm định của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; riêng đối với các dự án thuộc danh mục các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, thời hạn thẩm định không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; (iii) Thời hạn thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.<sup>5</sup> Như vậy, so với quy định cũ<sup>6</sup> thì Nghị định số 40/2019/NĐ-CP đã quy định rút ngắn thời gian thẩm định các loại báo cáo ĐTM. Việc rút ngắn thời gian thẩm định này xuất phát từ áp lực của việc cải cách các thủ tục hành chính theo hướng tinh giản, rút gọn nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư, trong đó có nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư tại Việt Nam. Tuy nhiên, cần phải nhìn nhận một thực tế rằng, để thẩm định được các nội dung trong báo cáo ĐTM không phải là điều dễ dàng, đặc biệt là các dự án đầu tư nước ngoài, bởi các nội dung này rất rộng và chuyên sâu, liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau. Vì vậy, để thẩm định được hết tất các vấn đề trong báo cáo ĐTM đòi hỏi phải mất rất nhiều thời gian để nghiên cứu, xem xét, đánh giá, kiểm tra thực nghiệm rồi mới đưa ra kết luận. Cho nên, với khoảng thời gian được giới hạn như quy định tại mục 9 khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP là tương đối ít và khá hạn chế. Điều này sẽ tạo ra rất nhiều áp lực cho Hội đồng thẩm định đó là chưa kể đến các trường hợp phức tạp buộc Hội đồng thẩm định còn phải thực hiện thêm các thủ tục khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận; phải lấy mẫu phân tích kiểm chứng; phải tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của báo cáo ĐTM<sup>7</sup>... Tất cả những vấn đề trên khi thực hiện thì sẽ mất rất nhiều thời gian, còn nếu không thực hiện thì kết quả thẩm định sẽ không chính xác, đầy đủ, chất lượng. Như vậy, với một khối lượng công việc phải thực hiện rất lớn nhưng thời gian thì quá ngắn nên từ đó dẫn đến tình trạng Hội đồng thẩm định thường lược bỏ bớt các khâu trong quá trình thẩm định để đảm bảo cho ra kết quả thẩm định đúng thời gian, tiến độ theo quy định. Điều này là vô cùng nguy hiểm, bởi hiệu quả chất lượng thẩm định không cao, sâu xa hơn là vấn đề BVMT không được đảm bảo.

Để khắc phục vấn đề nêu trên, đồng thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thẩm định báo cáo ĐTM được hiệu quả thì cần thiết phải điều chỉnh tăng thời gian thẩm

---

<sup>5</sup> Mục 9 khoản 5 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

<sup>6</sup> Theo quy định cũ trong Nghị định số 29/2011/NĐ-CP, thời hạn thẩm định báo cáo ĐTM là 45 ngày và tối đa là 60 ngày làm việc đối với dự án thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường, 30 ngày và không quá 45 ngày đối với dự án không thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

<sup>7</sup> Xem thêm Trần Linh Huân (2019), *Đánh giá tác động môi trường đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam - Một số vấn đề pháp lý đặt ra*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 40/2019, tr.45.

định so với hiện nay. Cụ thể, đối với các dự án được tổ chức thẩm định thông qua hội đồng thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì sẽ có thời hạn là không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nhưng đối với trường hợp dự án phức tạp về tác động môi trường thì thời hạn thẩm định phải nâng lên ở mức tối đa là 45 ngày làm việc. Còn đối với các dự án được tổ chức thẩm định thông qua hội đồng thẩm định của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì sẽ không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nhưng đối với những dự án phức tạp về tác động môi trường thì thời hạn thẩm định phải là 30 ngày làm việc<sup>8</sup>. Việc quy định nâng mức thời hạn thẩm định đối với các trường hợp nêu trên là cần thiết bởi điều này sẽ tạo cơ sở thuận lợi về mặt thời gian để các chủ thể thẩm định có điều kiện thực hiện đầy đủ các hoạt động nghiệp vụ liên quan nhằm đưa ra được những kết quả thẩm định chính xác, phù hợp, đáp ứng được các yêu cầu đặt ra và kịp thời giúp loại bỏ được các dự án không đảm bảo khả năng BVMT.

## **6. Về nguồn tài chính phục vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM còn khá khiêm tốn, chưa đủ khả năng phục vụ hiệu quả cho công tác thẩm định báo cáo ĐTM. Theo quy định tại Thông tư số 56/2018/TT-BTC, mức phí thẩm định đối với các báo cáo ĐTM do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định có mức từ 6 triệu đến 96 triệu đồng tùy thuộc vào tổng vốn đầu tư và các nhóm dự án. Còn các báo cáo ĐTM thuộc thẩm quyền thẩm định của địa phương thì sẽ có mức phí thẩm định dao động từ 6 triệu đến 67 triệu đồng tùy thuộc vào tổng vốn đầu tư và các nhóm dự án<sup>9</sup>. Như vậy, so với thông lệ quốc tế, mức phí thẩm định báo cáo ĐTM ở Việt Nam hiện nay quy định còn thấp hơn rất nhiều so với thế giới<sup>10</sup>. Với mức chi như vậy rất khó để các chủ thể thẩm định có thể thực hiện đầy đủ các yêu cầu đặt ra để phục vụ hiệu quả cho công tác thẩm định báo cáo ĐTM của các dự án đầu tư bởi nếu không có đủ nguồn tài chính thì không thể đòi hỏi nhiều hơn ở Hội đồng thẩm định khi mà có quá nhiều nội dung cần phải thực hiện thẩm định. Chính điều này đã góp phần làm hạn chế hiệu quả thẩm định báo cáo ĐTM.

Để khắc phục vấn đề nêu trên, kinh phí phục vụ công tác thẩm định báo cáo ĐTM cần phải được quy định theo hướng tăng thêm để phục vụ hiệu quả công tác thẩm định.

---

<sup>8</sup> Xem thêm Trần Linh Huân (2019), *Đánh giá tác động môi trường đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam - Một số vấn đề pháp lý đặt ra*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 40/2019, tr.48.

<sup>9</sup> Nghị quyết số 44/2018/NQ-HĐND ngày 30/3/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo ĐTM, đề án BVMT chi tiết trên địa bàn tỉnh.

<sup>10</sup> Theo thông lệ quốc tế, chi phí để lập một báo cáo ĐTM thường chiếm từ 1 - 3% so với tổng kinh phí của một dự án (nguồn: Trung Hiếu, “*Đánh giá tác động môi trường không còn là công cụ vạn năng*”, <https://baotintuc.vn/thoi-su/danh-gia-tac-dong-moi-truong-khong-con-la-cong-cu-van-nang-20191013182628857.htm>, truy cập ngày 02/06/2020).

Theo đó, mức phí phục vụ công tác thẩm định báo cáo ĐTM được quy định trong Thông tư số 56/2018/TT-BTC cần phải được tiếp tục điều chỉnh tăng lên ở mức chiếm từ 1-3% so với tổng kinh phí của một dự án. Khi quy định phân bổ nguồn kinh phí tăng thêm như vậy sẽ vừa phù hợp với thông lệ quốc tế vừa giúp hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM đạt được chất lượng, hiệu quả, bởi các chủ thể thực hiện thẩm định sẽ có nguồn tài chính đủ để thực hiện đầy đủ các yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ.

## 7. Kết luận

Tóm lại, từ những phân tích trên có thể thấy rằng hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM là một trong những hoạt động đóng vai trò quan trọng, cần thiết và có ảnh hưởng quyết định đến hiệu quả của hoạt động lập báo cáo ĐTM nói riêng và hoạt động thực hiện ĐTM nói chung. Tuy nhiên, ở phương diện khía cạnh pháp lý, bên cạnh những kết quả đạt được thì hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM vẫn còn tồn tại những vấn đề hạn chế, bất cập nhất định. Chính vì vậy, để đảm bảo hoạt động thẩm định báo cáo ĐTM đạt được hiệu quả tối ưu nhất thì việc tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện các quy định pháp luật điều chỉnh về hoạt động này là điều rất quan trọng và cấp thiết.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung Hiếu, “*Đánh giá tác động môi trường không còn là công cụ vạn năng*”, <https://baotintuc.vn/thoi-su/danh-gia-tac-dong-moi-truong-khong-con-la-cong-cu-van-nang-20191013-182628857.htm>, truy cập ngày 02/06/2020.
2. Trần Linh Huân (2019), *Đánh giá tác động môi trường đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam - Một số vấn đề pháp lý đặt ra*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 40/2019.
3. Lương Thị Thoa (2020), *Đánh giá tác động môi trường theo pháp luật Việt Nam và một số kiến nghị nâng cao hiệu quả thực thi*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 42/2020.
4. Vũ Thị Duyên Thủy (2003), *Bàn về hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường*, Tạp chí Luật học, số 02/2003.